

TRẦN NHÂN TÔNG (1278-1293)

Tên húy là Khâm, con trưởng của Thánh Tông, mẹ là Nguyễn Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, sinh năm Mậu Ngọ Nguyên Phong năm thứ 8 tháng 11, được tinh anh thánh nhân, thuần túy đạo mạo, sắc thái như vàng, thể chất hoàn hảo, thần khí tươi sáng. Hai cung đều cho là lạ, gọi là Kim Tiên đồng tử. Trên vai bên trái có nốt ruồi đen nên có thể cáng đáng được việc lớn, ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm, thọ 51 tuổi, băng ở am Ngọa Vân núi Yên tử, đưa về táng ở Đức Lăng. Vua nhân từ hòa nhã, cố kết lòng dân, sự nghiệp trù hưng sáng ngời thuở trước, thực là bậc vua hiền của nhà Trần. Song để tâm nơi kinh Phật, tuy nói là để siêu thoát, nhưng đó không phải là đạo trung dung của thánh nhân.

Năm 1279 Mông cổ thôn tính nước Tống, Nước Chiêm Thành sai Chế Năng và Tra Diệp sang cống, bọn này xin ở lại vua không cho

Năm 1280, vua ban thước gỗ, thước lụa cùng một kiểu để làm chuẩn đo lường, đặt ra quan kiểm pháp để kiểm tra công việc xét xử của phán quan và người thi hành án.

Năm 1281 sai chú họ là Trần Di Ái đi sứ sang Nguyên. Nhà Nguyên lập Di Ái làm Lão hầu, sai bộ tướng Sài Xuân (Thung) đem 1000 quân hộ tống trở về nước. Xuân ngạo mạn vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân dùng roi ngựa quất họ bị thương ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chần mần trưởng, hấn mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp. Xuân nằm khểnh, không ra tiếp Quang Khải vào hấn trong phòng, hấn cũng không dậy tiếp. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn nghe thấy thế, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Lúc ấy Quốc Tuấn đã gọt tóc, mặc áo vải. Đến sứ quán, ông đi vào trong phòng. Xuân đứng dậy, vái chào mời ngồi. Mọi người đều kinh ngạc, có biết đâu gọt tóc, mặc áo vải là hình dạng nhà sư phương bắc. Ông ngồi xuống pha trà, cùng uống với hấn.

Người hầu của Xuân cầm cái tên đứng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu đến chảy máu, nhưng sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không hề thay đổi. Khi trở về, Xuân ra cửa tiễn ông.

Tháng 4/1282 (Nhâm Ngọ), Trần Di Ái đi sứ về nước bị vua trị tội

Mùa thu tháng 8 năm Nhâm Ngọ (1282) Thụ thần Lạng Châu là Lương Uất chạy trạm tâu báo rằng : Toa Đô đem 50 vạn quân, nói phao là mượn đường đi đánh Chiêm Thành, nhưng thực ra là xâm lược nước ta

Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô, vua sai hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này như chuyện Hàn Dũ bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Hàn Thuyên giỏi làm thơ phú bằng chữ quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ thực bắt đầu từ đây

Mùa đông tháng 10 vua ra ngự ở Bình Than đóng ở vũng Trần Xá họp các vương hầu, trăm quan bàn kế sách công, thủ chia nhau trấn giữ các nơi hiểm yếu.

Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư làm phó đô tướng quân.

Vua thấy Quốc Toản Trần Kiên còn nhỏ, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn phần kích nhân tay cầm quả cam bóp nát lúc nào không biết. Sau đó lui về huy động hơn 1000 gia nô, đóng chiến thuyền viết lên cờ 6 chữ "phá cường địch, báo hoàng ân". Khi đối diện xông lên trước, giặc trông thấy phải lui...

Năm 1283, phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc công tiết chế thống lĩnh quân đội

Bài Hịch Tướng Sĩ của Trần Hưng Đạo là lời kêu gọi làm nức lòng quân sĩ và nhân dân tham gia đánh giặc cứu nước, ông nói :

1-Ta thường nghe : Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao đế, Do Vu chĩa lưng chịu giáo che chở cho Chiêu Vương, Dị Nhượng nuốt than báo thù cho chủ. Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước. Kinh Đức, một chàng tuổi trẻ thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây, Thế Sung, Cảo Khanh một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa khí, bỏ mình vì nước, đời nào không có ? giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được !

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.

Vương Công Kiên là người thế nào ? Tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào ? Mà giữ thành Điều Ngự nhỏ như cái đầu, đường đường chống với quân Mông khá đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời nay còn đời ơn sâu ! Cốt Đái Ngột Lang là người thế nào ? Tì tướng của ông là Xích Tu lại là người thế nào ? Mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu trong vài tuần khiến cho quân trưởng đời Nguyên, đến nay còn lưu tiếng tốt !

2- Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường. Uốn lưỡi cú điều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Văn Nam vương mà thu bạc vàng để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau ?

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

3- Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đái Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.

Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để đãi yến ngự sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú vườn ruộng hoặc quyến luyến vợ con, hoặc lo việc làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang, thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mọp cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh, dẫu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý ngàn vàng khôn chuộc. Vả lại, vợ bé con riu, việc quân cơ trăm sự ích chi, tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù, chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào ! Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng mất, chẳng những gia quyến của ta bị tan mà vợ con các người cũng khốn, chẳng những xã tắc tổ tông ta bị dày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên, chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tên là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui vẻ phỏng có được không ?

4- Nay ta bảo thật các người : Nên nhớ câu “đặt mồi lửa vào dưới đồng củi” là nguy cơ, nên lấy điều “kiêng canh nóng mà thổi rau nguội” làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập được cung tên khiến cho người người giỏi như Bàn Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam vương ở Cảo Nhai. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền mà bổng lộc của các người cũng đời đời hưởng thụ, chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão, chẳng những tông miếu của ta sẽ được muôn đời tế lễ mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm, chẳng những thân ta kiếp này đắc chí mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền, chẳng những danh hiệu của ta không bị mai một mà tên họ các người cũng sử sách lưu truyền. Lúc bấy giờ dẫu các người không muốn vui vẻ, phỏng có được không ?

5- Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta thì mới phải đạo thần chủ, nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy ? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi sau đây sau khi giặc đã dẹp yên muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa ? Ta viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

Vua điểm quân thủy bộ tập trận, duyệt binh ở Đông Bộ đầu,

Tháng 12/1284 thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng ban yến hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói ĐÁNH. Muôn người cùng hô một tiếng như bật ra từ một cửa miệng.

Năm 1284, Trần Hưng Đạo điều quân ở các lộ Hải Đông, Vân Trà, Ba Điểm, chọn những người dũng cảm làm tiền phong vượt biển vào Nam để trấn giữ phía Nam. Thế quân lên dần. Các quân thấy vậy không đạo quân nào không tới tập họp. Vua làm thơ đề ở đuôi thuyền rằng :

Cối Kê cự sự quân tu ký

Hoan Diển do tôn thập vạn binh

(Cối Kê chuyện cũ người nên nhớ, Hoan Diển còn kia chục vạn binh)
đồng thời vua cho hơn 20.000 quân + 500 thuyền chiến sang cứu viện cho vua Chiêm

Lúc bấy giờ là Indara đệ ngũ cùng với thế tử Chế Mân đánh nhau với quân của Toa Đô. Toa Đô đến cảng Tân Châu (Qui Nhơn) ngày 30-12-1282 đánh nhau với Chế Mân mãi đến tháng 3-1284 thì rút quân về vùng hồ Đại Lãng (Cầu Hai ở Huế) Toa Đô bị quân Chiêm và Đại Việt đánh đuổi, vua Nguyên phải từ bỏ chiến lược dùng bàn đạp Chiêm Thành để tấn công Đại Việt - Đại Việt đánh Nam Tống.

Tháng 12 năm Giáp thân (1284) Giặc đánh vào ải Vinh Châu, Nội bàng, Chi Lăng, quân ta lui về Vạn Kiếp, Hưng vũ Vương Nghiễn cùng các vương khác như Uất, Tảng, Hiện.. đốc xuất 20 vạn quân đến hội ở Vạn Kiếp dưới quyền điều khiển của Trần Hưng Đạo

Năm Ất Dậu (1285), ngày mùng 6 tháng giêng, Ô Mã Nhi đánh vào Vạn Kiếp và núi Phả Lại, quan quân vỡ chạy.

Ngày 12 giặc vào Gia Lâm, Đông Ngàn, Vũ Ninh bắt được quân ta thấy người nào cũng thích hai chữ “Sát Thát” bằng mực vào cánh tay, chúng tức lăm, giết hại rất nhiều. Chúng đến Đông Bộ Đầu dựng một lá cờ lớn.

Vua muốn sai người dò xét tình hình giặc mà chưa tìm được ai. Chi cục thủ Đỗ Khắc Chung tiến lên tâu rằng: “Thần hèn mọn bất tài nhưng xin được đi”

Vua mừng, nói: “Ngờ đâu trong đám ngựa kéo xe muối lại có ngựa kỳ, ngựa kỳ như thế!” rồi sai đem thư giảng hòa.

Ô Mã Nhi hỏi Chung: “Quốc Vương người vô lễ, sai người thích chữ “Sát Thát”, khinh nhờn thiên binh, lỗi ấy lớn lắm”

Chung đáp: “Chớ nhà cần người lạ không phải tại chủ nó. Ví lòng trung phần mà họ tự thích chữ thôi, Quốc Vương tôi không rõ việc đó. Tôi là cận thần tại sao không có?”. Nói rồi giơ cánh tay cho xem.

Ô Mã Nhi nói: “Đại quân từ xa tới, nước người sao không quay giáo đến hội kiến, lại còn chống lệnh. Càng bộ ngựa cản bánh xe liệu sẽ ra sao?”

Khắc Chung: “Hiện tướng không theo cái phương sách Hàn Tín bình nước Yên, đóng quân ở đầu biên giới đưa thư tin trước, nếu không thông hiếu mới là có lỗi. Nay lại bức nhau, người ta nói thú cùng thì chống lại, chim cùng thì mổ lại, huống chi là người”.

O Mã Nhi: “Đại quân mượn đường để đi đánh Chiêm Thành, Quốc Vương người nếu đến hội kiến thì trong cõi yên ổn, không bị xâm phạm mảy may. Nếu cứ chấp nê thì chỉ trong khoảnh khắc núi sông sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ thành cỏ nát”.

Khắc Chung về, Ô Mã Nhi bảo các tướng: “Người này ở vào lúc bị ức hiếp mà lời lẽ tự nhiên không hạ chủ nó xuống là Chích, không nịnh ta là Nghiêu mà chỉ nói “chớ nhà cần người”, giỏi ứng đối. Có thể nói là không nhục mệnh vua. Nước nó có người giỏi chưa thể mưu tính được”. Sai người đuổi theo nhưng không kịp.

Ngày 28, Hưng Đạo Vương bàn xin Thượng Tướng thái sư Trần Quang Khải chặn đánh quân của nguyên soái Toa Đô ở Nghệ An.

Ngày 1 tháng 2, con thứ của Đại vương Quốc Khang là Trần Kiện và liêu thuộc là bọn Lê Tắc đem cả nhà đầu hàng quân Nguyên.

Toa Đô sai đưa bọn Kiện về Yên Kinh. Gia nô của Hưng Đạo Vương là Nguyễn Địa Lô bắn chết Kiện.

Sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan là muốn làm thư giãn nạn nước vậy.

Trần Bình Trọng dòng dõi Lê Đại Hành, chồng sau của công chúa Thụy Bảo đánh nhau với giặc ở bãi Đà Mạc tức Thiên Mạc nay là bãi Mạn Trù, bị bắt. Vương không chịu ăn, giặc hỏi việc nước không trả lời, giặc hỏi: “Muốn làm vương đất Bắc không?”

Wương thét to: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”. Vương bị giết.

Thế giặc bức bách, hai vua ngầm đi thuyền nhỏ đến Tam Trĩ Nguyên, sai người đem thuyền ngự ra Ngọc Sơn để đánh lừa giặc. Lúc ấy xa giá nhà vua phiêu giạt, mà Quốc Tuấn vốn có kỳ tài lại còn mối hiềm cũ nên nhiều người nghi ngại. Quốc Tuấn theo vua, tay cầm gậy có bịt sắt nhọn. Mọi người đều gườm mắt nhìn. Quốc Tuấn liền vứt đầu sắt nhọn đi, còn nhiều việc đại loại như thế.

Sử thần Ngô Sĩ Liên: “Bậc đại thần vào hoàn cảnh bị hiềm nghi, tức phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử như hào cửu tứ của quẻ Tỳ thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. nếu không thành nhất định sẽ mang tai họa. Quách Tử Nghi nhà Đường, Trần Quốc Tuấn nhà Trần đã làm được như vậy.

Ngày mùng một tháng 3, hai vua bỏ thuyền đi bộ đến Thủy Chú, lấy thuyền ra sông Nam Triệu vượt biển Đại Bàng vào Thanh Hóa.

Văn Chiêu Hầu Trần Lộng đầu hàng Thoát Hoan. Kế đó, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc và bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễm, Trịnh Long cũng thế, đem gia thuộc đầu hàng giặc Nguyên.

Trước kia, khi Ích Tắc chưa sinh, Thái Tông mộng thấy thần nhân ba mắt từ trên trời xuống, nói: “Thần bị thượng đế quả trách, xin thác sinh là con vua, sau lại trở về phương Bắc”.

Đến khi Ích Tắc sinh giữa trán có cái vết lõm như hình con mắt, giống hệt người trong mộng., đến 15 tuổi, thông minh hơn người, vẫn có ý tranh đoạt ngôi

trưởng địch. Ích Tắc đã từng gửi thư riêng cho khách buôn ở Vân Đồn xin quân Nguyên xuống Nam. Đến nay, người Nguyên vào cướp, Ích Tắc xin hàng để được làm vua. Người Nguyên phong làm An Nam Quốc Vương. Sau quân Nguyên thất bại, Ích Tắc trong lòng hổ thẹn, chết ở đất Bắc.

Toa Đô đem 50 vạn quân từ Vân Nam qua Lão Qua thẳng đến Chiêm Thành hội với quân Nguyên ở châu Ô Lý rồi cướp châu Hoan, châu Ái tiến đóng Tây Kết, hẹn trong 3 năm sẽ san phẳng nước ta.

Vua bàn: “Giặc nhiều năm phải đi xa, lương thảo chuyên chở hàng vạn dặm tất mỗi mệt. Lấy nhàn chống mệt, trước hãy làm nhụt chí chúng, ắt sẽ đánh bại được chúng”.

Tháng 4, vua sai bọn Chiêu Thành Vương(?) và Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái đem tiếp binh đồn đánh giặc ở bến Tây Kết. Hai bên giao chiến ở Hàm Tử Quan, các quan đều có mặt. Riêng quân của Chiêu Văn Vương Nhật Duật có cả người Tống mặc quần áo Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng Hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng: “Đó là quân Thát của Chiêu Văn đấy, phải nhận kỹ chúng”

Vì người Tống và người Thát, tiếng nói và y phục giống nhau. Quân Nguyên thấy quân Tống đều kinh hãi bảo nhau là người Tống sang giúp, vì thế thua chạy. Trước kia, nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thu nạp họ, có Triệu Trung làm gia tướng. Cho nên chiến công đánh bại giặc Nguyên, Nhật Duật lập được nhiều hơn cả.

Ngày 3 tháng 5, hai vua đánh bại giặc ở Trường Yên, chém đầu cắt tai giặc nhiều không kể xiết.

Ngày mồng 7, Toa Đô từ Thanh Hóa tới.

Ngày 10, có người từ chỗ giặc trốn về đến ngự doanh, báo.

Thượng tướng Trần Quang Khải, Quốc Toản, Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp cùng em là Nguyễn Truyền đem dân binh các lộ đánh bại giặc ở các xứ kinh thành, Chương Dương. Giặc tan vỡ lớn, bọn Thoát Hoan và A Lạp rút chạy qua sông Lô.

Ngày 15, hai vua bái yết các lăng ở Long Hưng.

Ngày 17, Toa Đô và Ô Mã Nhi từ biển đánh vào sông Thiên Mạc, muốn hội quân ở Kinh sư để chi viện cho nhau.

Do binh giặc đến huyện Phù Ninh, viên phụ đạo là Hà Đặc lên núi trí Sơn cố thủ. Giặc đóng ở Cự Đà. Hà Đặc lấy tre đan thành hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì cứ dẫn ra dẫn vào. Lại đục thủng cây to, cắm tên lớn vào giữa lỗ để giặc ngờ là sửa bắn khoét xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc nữa. Quân ta hăng hái xông ra đánh bại được chúng. Đặc đuổi đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hăng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí, y phục của giặc trốn về dâng lên, xin dùng cờ xí giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vật ta cả phá được giặc.

Ngày 20, hai vua tiến đóng Đại Mang Bộ. Tổng quản giặc Nguyên là Trương Hiến đầu hàng. Hôm đó, ta đánh bại giặc ở Tây Kết, chém đầu Toa Đô. Nửa đêm. Ô

Mã Nhi trốn qua cửa sông Thanh Hóa, hai vua đuổi theo nhưng không kịp, bắt được hơn 5 vạn dư đảng giặc đem về.

Hưng Đạo Vương lại giao chiến với Thoát Hoan và Lý Hằng ở Vạn Kiếp, đánh bại được, giặc chết đuối rất nhiều. Lý Hằng mang quân hộ vệ Thoát Hoan chạy về Tư Minh. Quân ta lấy tên có tẩm thuốc độc bắn trúng đầu gối trái của Hằng, Hằng chết. Tỳ tướng Lý Quán thu nhặt 5 vạn quân còn lại, giấu Thoát Hoan vào một đống đồng chạy trốn về Bắc. Đến Tư Minh, Hưng Vũ Vương đuổi kịp, dùng tên bắn, Lý Quán chết. Quân Nguyên tan vỡ lớn.

Vua trông thấy thủ cấp của Toa Đô, thương hại nói: “Người làm tôi phải nên như thế này”, rồi cởi áo ngự sai quân đem liệm chôn. Nhưng ngầm sai lấy đầu Toa Đô tẩm đầu để răn, vì cơ Toa Đô mượn đường vào cướp nước ta đã 3 năm vậy.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói: “Than ôi, câu nói ấy của vua thực là câu nói của bậc đế vương ! Nói rõ đại nghĩa để người bày tôi muôn đời biết rằng trung với vua, chết vì phận sự là vinh, tuy chết mà bất hủ, mối quan hệ lớn lắm vậy. Huống chi lại cởi áo ngự, sai người liệm chôn nữa. Làm vậy, có thể khích lệ sĩ khí để trừ giặc mạnh là phải lắm.

Ngày 6 tháng 6, hai vua về kinh sư, Thượng Tướng Trần Quang Khải có làm thơ rằng:

“Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử Quan
Thái bình tu trí lược
Vạn cổ thử giang san”

Ngày hôm ấy nước to.

Sai Đặng Du Chi đưa bọn tề thần của Chiêm Thành là Bà Lậu, kê Na Liên Ba mươi người về nước vì đi theo toa Đô nên bị bắt.

Tháng 8, sai Tả Bộc Xa Lưu Cương Giới tuyên phong công thần theo thứ bậc khác nhau và trị tội những kẻ hàng giặc.

Năm Bính Tuất 1286, mùa xuân thả quân Nguyên về nước.

Tháng 2, sứ Nguyên là Hợp Tán Nhi Hải Nha đến.

Tháng 3 Năm Bính Tuất (1286) vua Nguyên sắc cho Thượng Thư tỉnh Ao Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, đại tướng Trương Văn Hổ điều 50 vạn quân, hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển, hẹn tháng 8 hội cả ở Khâm Châu, Liêm Châu. Lại ra lệnh quân ba hành tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng, Giang Tây xâm lược phương Nam, mượn cơ đưa người đầu hàng là Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương.

Mùa hạ, tháng 6 lệnh cho vương hầu, tôn thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương: “Thế giặc năm nay thế nào ?”

Vương trả lời: “Nước ta thái bình lâu ngày, dân không biết việc binh cho nên, năm trước quân Nguyên vào cướp thì có kẻ đầu hàng trốn chạy. Nhờ uy linh của tổ tông và thần võ của bệ hạ, nên đã quét sạch được bụi Hồ. Nay nếu nó lại sang thì quân ta đã quen với việc chiến trận mà quân nó thì sợ phải đi xa.vả lại, chúng còn

nơm nớp cái thất bại của Hằng, Quán không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn”.

Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương đốc thúc vương hầu, tôn thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí, thuyền bè.

Mùa đông, tháng 10 kiểm duyệt, diễn tập, quân lính điều động được

Năm Đinh Hợi 1287, tháng 2 Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu băng.

Tháng 2 cá nhà táng chết ở sông Bạch Đằng, dài 2 trượng 6 thước, dày 6 thước.

Nhà Nguyên phát quân Mông Cổ, quân Hán Nam, 3 tỉnh Giang Hoài, Giang Tây, Hồ Quảng, lính Vân Nam, lính người Lê ở 4 châu ngoài biển chia đường vào cướp. Trương văn Hổ đi đường biển, chở 70 vạn thạch lương theo sau. Lại đặt Chinh Giao Chỉ

Hành thượng thư tỉnh do Bình Chương Sự Áo Lỗ Xích, các Tham Tri chính sự Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh và chịu tiết chế của Trấn Nam vương.

Quan chấp chính xin chọn tráng đinh sung quân để tăng quân số lên nhiều. Hưng Đạo Vương nói: “Quân quý ở tinh nhuệ, không quý ở số đông. Dẫu đến 100 vạn mà như Bồ Kiên thì cũng làm được gì?”

Tháng 3, ân xá.

Tháng 4, Tá Thiên Đại Vương Đức Việp quyên tướng quốc sự.

Duyệt binh. Xử án. Định các danh sắc.

Ngày 1 tháng 10, nhật thực.

Ngày 11 tháng 11 mặt trời rung thành 4 góc.

Ngày 14, thái tử Nguyên A Thai xâm phạm ả Phú Lương.

Vua hỏi: “Giặc tới, liệu tình hình thế nào?”

Vương thưa: “Năm nay, đánh giặc nhàn”

Ngày 24, lệnh cấm quân giữ ả Lăng Kinh.

Hưng Đức Hầu Quán đem quân đón đánh, dùng tên tẩm thuốc độc bắn giặc chết và bị thương rất nhiều. Giặc lùi về đóng ở ả Vũ Cao.

Ngày 28, Nhân Đức hầu Toàn đem thủy quân đánh ở vụng Đa Mỗ. Giặc chết đuối rất nhiều, ta bắt sống 40 tên và thu được thuyền ngựa, khí giới đem dâng.

Ngày 16 tháng 12, Nguyễn Thúc đem quân Thánh dực dũng nghĩa đến chỗ Hưng Đạo Vương để giữ cửa Đại Than.

Ngày 26, quân ta gặp giặc và đánh bại chúng.

Ngày 30, thái tử Nguyên A Thai cùng Ô Mã Nhi họp 30 vạn quân đánh Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về đông. Người các hương (vùng) Ba Điểm, Bàn Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thù cho Phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Dư đánh thất lợi, thượng hoàng được tin đòi giải về kinh. Khánh Dư nói: “Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai ba ngày để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn”.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau nên thu thập tàn binh đợi chúng. Quả nhiên đúng, Dư đánh bại chúng bắt được quân lương khí giới rất nhiều, tú binh cũng không kể xiết. Lập tức sai chạy ngựa mang thư về báo. Thượng hoàng tha tội, nói: “Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thảo khí giới, nay đã bị ta bắt được, sợ nó chưa biết, có thể còn hung hăng chăng?” bèn tha những tên bị bắt về doanh trại quân Nguyên báo tin. Giặc quả nhiên rút lui. Cho nên, năm này vết thương của dân không thấm như năm trước, Khánh Dư có phần công lao trong đó”

Trước đây, Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Khánh Dư duyệt quân các trang, ra lệnh:”Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma lô (Ma lô là một hương ở Hồng Lộ khéo nghề đan cật tre làm nón), ai trái tất phải phạt”.

Nhưng Dư đã sai người nhà mua nón Ma lô từ trước, chở đến đậu trong cảng rồi. Lệnh vừa ra, sai người ngầm báo cho dân trong trang:”Hôm qua thấy trước vụng biển có thuyền chở nón Ma lô đậu”. Người trong trang nổi gót tranh nhau mua, ban đầu không tới 1 tiền, sau giá đắt bán 1 chiếc giá 1 tấm vải. Số vải thu được hàng ngàn tấm. Thờ mừng của một người khách phương Bắc có câu:”Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh”(Vân Đồn gà chó thấy đều kinh) ý châm biếm Khánh Dư. Dư tính tham lam, thô bỉ, những nơi ông trấn nhậm, mọi người đều ghét. Nhân Tông chỉ tiếc ông có tài làm tướng nên không nỡ bỏ mà thôi.

Năm Mậu Tý 1288, Ô Mã Nhi đóng vào phủ Long Hưng.

Ngày 8, quan quân hội chiến ngoài biển Đại Bàng bắt được 300 thuyền giặc, 10 thủ cấp, quân Nguyên chết đuối rất nhiều.

Ngày 29 tháng 2, Ô Mã Nhi đánh vào trại Yên Hưng.

Ngày 8 tháng 3, quân Nguyên hội ở sông Bạch Đằng đón thuyền lương của Trương Văn Hổ nhưng không gặp. Hưng Đạo Vương đánh bại chúng.

Trước đó, Vương đã đóng cọc ở cửa sông Bạch Đằng phủ cỏ lên trên. Hôm ấy, nhân lúc triều lên cho quân khiêu chiến rồi giả cách thua chạy. Bọn giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại. Triều xuống, thuyền giặc vướng cọc, Nguyễn Khoái chỉ huy quân Thánh dực dũng nghĩa đánh nhau với giặc, bắt sống Áo Lỗ Xích. Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối không kể, nước sông do vậy đỏ ngầu cả. Đến khi Văn Hổ đến, quân mai phục ở hai bờ đổ ra đánh. Triều rút xuống nhanh, thuyền lương của Hổ mắc trên cọc, nghiêng đắm gần hết. Ta bắt hơn 400 thuyền, bắt sống Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc dâng lên thượng hoàng. Thượng Hoàng sai dẫn lên thuyền ngự, cũng nói chuyện, uống rượu vui vẻ. Thoát Hoan và A Thái dẫn quân trốn về Tư Minh.

Hai vua trở về Long Hưng.

Ngày 17 đem các tướng giặc là Ô Mã Nhi, Tích Lệ Cơ Ngọc, Sầm Đoàn, Phan Tiếp, nguyên soái Điền, các Vạn hộ, thiên hộ làm lễ dâng thẳng trận ở Chiêu Lăng.

Trước đó, quân Nguyên đã khai quật Chiêu Lăng muốn phá đi, nhưng không phạm tới được quan tài. Đến khi giặc thua, chân ngựa đá ở lăng đều bị lấm bùn. Đó là thần linh giúp ngầm vậy. Khi vua cử lễ bái yết có làm thơ rằng:

“Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu”

(Xã tắc hai phen bon ngựa đá, Non sông ngàn thuở vững âu vàng).

Một lần nữa Thoát Hoan thất bại trở về, cơn giận của chúa Mông Cổ Hốt Tất Liệt lại bùng lên, hấn đuổi đứa con trai của hấn ra Dương Châu và hạ lệnh suốt đời không cho gặp mặt, tên tướng phụ tá Thoát Hoan là Aquruetiz (Áo Cổ Xích) bị đuổi đi Giang tây.

Ngày 27 tháng 3 năm Mậu Tý (18-4-1288) xa giá hai vua trở về kinh sư xuống chiếu đại xá tha tô thuế tháng 6 cử sứ bộ Trần Khắc Dụng đi sứ sang nhà Nguyên tố cáo tội ác của giặc và bàn việc trả tù binh.

Tháng 11 Hốt Tất Liệt cử Lưu Đình Trực sang Đại Việt đưa theo 24 người trong các sứ bộ của ta từ trước bị vua Nguyên giam lại, Hốt Tất Liệt đòi thả hết tù binh và bắt vua Trần sang châu.

Tháng 5/1289 định các công thần đánh Nguyên trong 2 cuộc kháng chiến, người nào xông lên trước phá trận giặc, lập kỳ công thì chép vào tập Trung Hưng Thực Lục lại sai vẽ hình, trước kia quân Nguyên vào cướp, vương hầu quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng, đến khi giặc thua bắt được cả một hòm biểu xin hàng, thượng hoàng sai đốt hết đi để yên lòng kẻ phản trắc.

Mùa xuân tháng hai Canh Dần (1290) vua đánh Ai Lao,

Tháng 3 đói to, thăng gạo giá 1 quan tiền dân nhiều người bán ruộng đất và con cái, vua ra lệnh phát thóc công miễn thuế dân đình chọn các quan văn chia đi cai trị các lộ,

Vua để tâm trong việc dùng người để cai trị dân và sửa sai các phép nước như tháng 3-1292 xuống chiếu rằng phạm làm văn tự bán đứt hoặc cầm nợ thì phải làm 2 bản giống nhau mỗi bên cầm một bản về sau phải lăn 2 đốt ngón tay đeo nhẫn áp út bên trái vào giữa tờ giấy (9-1304).

Mùa xuân tháng ba năm Quý Ty (1293) vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Hoàng thái tử Trần Thuyên đổi niên hiệu là Hưng Long, đế hiệu Anh Tông

TRẦN ANH TÔNG (1293-1314)

Tên là Thuyên, sinh năm 1276, con trưởng Nhân Tông, mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 45 tuổi, băng ở cung Trùng Quang, phủ Thiên Trường, táng ở Thái Lăng. Vua khéo biết kế thừa cho nên thời cuộc đi tới thái bình, chính trị trở nên tốt đẹp, văn vật chế độ ngày càng thịnh vượng, cũng là bậc vua tốt của triều Trần. Song tụ họp nhà sư trên núi Yên Tử, làm nhục sức dân dựng gác Ánh Vân thì chẳng phải là tội vết nhỏ trong đức lớn đó sao ?

Giặc động binh ở biên giới Hốt Tất Liệt sai Lương Tăng đem thư và dụ vua

Trần sang châu.Vua lấy cố có bệnh từ chối, sai Tử Kỳ sang tặng phong vật, nhà Nguyên giữ Tử Kỳ ở Giang Lăng,

Lập An Nam hành tỉnh lấy bọn Bình Chương Liêu Nhi Bạt Đô cầm quân đóng ở Tĩnh Giang đợi lệnh tiến đánh, nhưng đến tháng giêng năm sau (1294) thì Hốt Tất Liệt chết Thành Tông (Thiết Mộc Nhĩ) lên ngôi xuống chiếu bãi binh và thả Tử Kỳ về nước.

Năm Ất Mùi (1295) thượng hoàng trở về kinh sư, vì trước đã xuất gia

Năm Giáp Ngọ (1294) Trần Quang Khải tạ thế, thọ 54 tuổi là người có học thức, giỏi ngoại ngữ thường được dùng để thông dịch hay tiếp khách ngoại quốc, ông vừa là một nhà thơ có tập thơ "Lạc đạo" được lưu hành ở đời, ông cùng quốc công Trần Hưng Đạo là hai trụ cột của triều đình nhà Trần.

Luật pháp nhà Trần rất nghiêm, lệnh không được đánh bạc. Thượng phẩm Nguyễn Hưng đánh bạc bị vua sai đánh chết. (1296)

Ai Lao thường hay quấy nhiễu người biên giới. Thượng hoàng, Phạm Ngũ Lão, Trương Hiến đem quân đi tiêu trừ vào các năm 1290, 1294, 1298, 1301, năm 1298 tướng Nguyên đầu hàng là Trương Hiến được cử đi đánh Ai Lao tử trận được phong tước Minh Tự và cho thờ ở Thái Thường.

Có một lần Nhân Tông ngự ở điện Trùng Quan có Trần Hưng Đạo theo hầu vua nói "Nhà ta vốn là người hạ lưu (hiển khánh) đời đời chúng dưng cảm, thường xăm hình rồng vào đùi" nếp nhà theo nghề võ nên xăm rồng vào đùi để tỏ không quên gốc".

Bấy giờ thợ xăm đã đợi mệnh ở ngoài cửa cung, Vua Anh Tông rình lúc thượng hoàng quay nhìn đi chỗ khác, về ngay cung Trùng Hoa, một lúc sau Thượng Hoàng hỏi Quan gia đầu rồi? Quan gia đã trốn rồi chăng ? " (1299)

Năm Bính Thân (1296) Nhân Huệ Vương Khánh Dư từ Bài Áng vào châu

Người trong trấn kiện Khánh Dư tham lam thô bỉ, Hành khiển đem sự trạng tâu lên. Khánh Dư nhân đó tâu vua :

"Tướng là chim ưng, dân lính là vịt, dùng vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ "

Vua không hài lòng, Khánh Dư bèn trở về.

Bổ nhiệm Ngự sử đại phu Trần Khắc Chung làm Đại An phủ Kinh Sư(1298).

Năm Kỷ Hợi (1299) tháng 5 lấy Đoàn Nhữ Hài làm Ngự Sử Trung Tán

Bấy giờ Thượng Hoàng từ phủ Thiên Trường trở về kinh sư. Các quan trong triều không ai biết cả, vua thì uống rượu xươg bồ say khướt, thượng hoàng thông thả đi thăm khắp các cung điện . Mãi, thượng hoàng không thấy vua lấy làm lạ hỏi Quan gia ở đâu ? cung nhân vào trong nội đánh thức, nhưng vua không tỉnh, thượng hoàng giận lắm nói : " Trẫm còn có con khác, cũng có thể nối ngôi được, Trẫm đang sống mà người còn như thế, huống chi sau này "

Vua rập đầu tạ tội

Trần Nhân Tông xuất gia lần thứ 2 vào núi Yên Tử tu theo lối khổ hạnh hiệu là Đầu Đà.

Năm 1299, xuống chiếu cho các nhân sĩ trong nước chuẩn bị ôn luyện để đợi thi.

Năm 1300, quy định kiểu mũ áo mới của quan văn võ, quan văn thì đội mũ chữ đình màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh ống tay của các quan văn võ là 9 tấc đến 1 thước.

Trần Hưng Đạo ốm nặng vua ngự tới thăm hỏi kể sách chống giặc phương Bắc, mùa thu, tháng 8 ngày 20, ông qua đời

Năm Tân Sửu tháng 3 (1301) Thượng Hoàng vân du sang Chiêm Thành Tháng 4 ra lệnh soát tù để xem có ai bị oan ức hay bị giam giữ lâu ngày mà không được thả,

Tháng 11 thượng hoàng từ Chiêm Thành trở về

Năm 1302 Phạm Ngũ Lão dẹp phản nghịch, được phong làm Điện Sứ và được ban hổ phù

Năm 1304 về phép thi : trước hết thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục thiên tử để loại bớt, thứ đến thi kinh nghi, kinh nghĩa, đề thơ (tức thể cò thi ngũ môn tường thiên) hỏi về " vương độ khoan mãnh " theo luật " tài nạn xạ trĩ " về phú thì dùng 8 thể văn " để đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm ". Kỳ thứ ba là : Thi chế, chiếu, biểu ; Kỳ thi thứ tư là thi đối sách. Lại cho thi các thủ phân tức là các quan lại nắm việc binh pháp Thi kẻ sĩ trong nước hỏi 7 khoa.

Tháng 3/1304, Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên, Bùi Mộc đỗ bảng nhãn, Nguyễn Trung Ngạn 16 tuổi đỗ hoàng giáp. Dẫn 3 người đỗ đầu ra cửa Long Môn, Phường Thành đi du ngoạn đường phố 3 ngày để cho dân chúng chiêm ngưỡng.

Năm Ất Tỵ (1305) tháng 2 Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn 100 người dâng hiến vàng bạc, hương quý vật lạ làm vật lễ cầu hôn

Năm Bính Ngọ (1306) tháng 6 gã Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân, trước đây khi Thượng hoàng vân du sang Chiêm có hứa gã rồi

Năm Đinh Mùi (1307) tháng 5 Chế Mân qua đời, tháng 10 vua sai Nhập Nội Hành Khiển thượng thư tả bộc xạ Trần Khắc Chung và An Phủ Sứ Đặng Vân sang Chiêm Thành đón công chúa Huyền Trân và thế tử Chế Đa Đa về

Năm Mậu thân (1308) Thượng hoàng Nhân Tông ngồi bỗng nhiên mà hóa ở am Ngọa Vân, núi Yên Tử, hiệu Trúc Lâm Đại Sĩ, nhà sư Pháp Loa thiêu xác thượng hoàng được hơn ba ngàn hạt xá lị mang về chùa Tư Phúc ở kinh sư

Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Nguyên sau khi sứ Nguyên là thượng thư An Lỗ Khôi sang báo tin Nguyên Vũ Tông lên ngôi

Năm Canh Tuất (1310) Linh cữu của Nhân Tông quàn ở điện Diên Hiê, khi sắp đưa, đã đến giờ rồi mà quan lại và dân chúng còn đứng chật cả cung điện. Tể tướng cầm roi xua đuổi mà cũng không giãn ra được, vua cho gọi Trịnh trọng Tử tới bảo : " người hãy làm thế nào cho họ tránh ra "

Trọng Tử bèn đến ngay thềm Thiên Trì, gọi quân Hải khẩu và quân Hồ dục đến ngồi thành hàng trước thềm sai hát mấy câu điệu Long Ngâm. Mọi người kinh

ngạc, kéo nhau đến xem, cung điện mới giã người, bèn rước linh cữu về lăng Quy Đức

Năm Tân Hợi (1311) Vua đi đánh Chiêm Thành, dụ vua Chiêm là Chế Chí đem gia thuộc đi đường biển tới hàng, đưa Chế Chí về Thăng Long phong làm Hiệu Thuận Vương, qua năm sau thì Chế Chí chết ở hành cung Gia Lâm (1313)

Lấy Trần Khắc Chung làm Tả phụ, tước Quan Phục Hầu

Năm Giáp Dần (1314) tháng 3 ngày 18, Vua nhường ngôi cho hoàng thái tử Mạnh

TRẦN MINH TÔNG (1314-1329)

Trần Minh Tông Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Đại Khánh. Thái tử là con thứ tư của Anh Tông, mẹ là Chiêu Hiến Hoàng thái hậu Trần Thị là con của Trần Bình Trọng. Ở ngôi 15 năm, nhường ngôi 28 năm, thọ 55 tuổi.

Vua đem văn minh sửa sang đạo trị nước làm rạng rỡ công nghiệp người xưa, giữ lòng trung hậu, lo nghĩ sâu xa, trong yên ngoài phục. Tiếc rằng không nhận ra mưu gian của Đỗ Khắc Chung để đến nỗi giết oan Trần Quốc Chẩn.

Năm Canh Thân (1320) ngày 16 tháng 3 Trần Anh Tông băng ở cung Trùng Quang phủ Thiên Trường.

Anh Tông tinh trời khiêm tốn hòa nhã, hòa mực với người trong họ, mọi việc triều đình tự mình quyết đoán.

Khi thư rỗi trong muôn việc bận, Anh Tông để tâm tới việc trước thuật nhưng viết được gì, vẽ được gì đều đem đốt hết có tập thơ Thủy vân tùy bút cũng đốt luôn.

Khi vua đau nặng Bảo từ Thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán Đỉnh, Phổ Huệ xin vào gặp vua để trình bày việc sống chết. Vua trả lời rằng Sư hãy đến đây, ta chết rồi, quan giá có sai bảo gì thì cứ việc làm, còn như chuyện sau khi chết thì sư cũng chưa chết, biết đâu mà trình bày việc chết với ta.

Mùa đông tháng 10-1320 vua Minh Tông xuống chiếu rằng : những người tranh nhau ruộng đất, nếu khám xét thấy không phải của mình mà cố tranh bậy thì bị truy tố tính giá tiền ruộng đất đền gấp đôi. Nếu làm Văn Khế giả thì bị chặt một đốt ngón tay bên trái.

Tháng 11 Phạm ngũ Lão mất tại phủ đệ vua ban ở vườn cau trong thành thọ 66 tuổi. Vua nghĩ chiều 5 ngày, đó là ân điển đặt biệt

Phạm ngũ Lão xuất thân trong quân ngũ nhưng rất thích đọc sách, ông có làm bài Thuật hoài như sau :

Hoành giáo giang san cấp kỷ thu,
Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

(Múa giáo non sông trải mấy thu, Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu Công danh nam tử còn vương nợ Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu)

Ông huấn luyện quân đội rất có kỷ luật, tất cả chiến lợi phẩm thu được đều cho vào kho, coi của cải như không.

Năm Quý Hợi, tháng 8 (1323), xuống chiếu rằng : khi tranh chấp ruộng, mà ruộng có lúa thì hãy chia làm 2 phần, bồi thường cho người cày 1 phần, còn một phần lưu lại.

Tháng 10, lệnh đúc tiền kẽm nhưng tháng 12 sang năm lại ra lệnh cấm tiền kẽm.

Mùa hạ (1322), người Nguyên tranh chấp biên giới, sai hình bộ thượng thư, ty Hành khiển là Doãn Bang Hiến sang Nguyên để tranh biện, Hiến mất trên đường du thuyết, vua rất thương tiếc.

Vua Minh Tông là một người tài hoa, một họa sĩ kiêm thi sĩ.

Năm 1324, tháng 4, vua ban cho Đại hành khiển Thượng thư tả bộc xạ Trần Bang Cẩn một bức tranh và một bài thơ của vua như sau :

Hình dung cốt cách nại đông hàn
Tướng mạo đình đình diệc khả khan,
Phong lưu nhất đoạn hồn miên tận
Tâm lý nan miêu cảnh cảnh đan.

Năm Bính Dần (1326), vua sai vẽ chân dung Bùi Mộc Đạc, cất ở nhà sách, có ý định dùng vào chức to, nhưng chưa kịp bổ nhiệm thì Mộc Đạc mất, thăng chức cho Trần Khắc Chung

Bấy giờ các quan trong triều đều là những tay cự phách như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu, Đoàn nhữ Hải, Lê Duy...

Bài Ung Châu của Nguyễn Trung Ngạn :

Hào kiệt tiêu ma hận vị hư,
Đại giang y cựu thủy đông lưu.
Quảng tây hình thắng vô đa cảnh,
Lĩnh ngoại phồn hoa độc thử châu.
Cố lũy tinh kỳ thê lạc chiếu
Không sơn cổ giác tống thâm thu.
Tòng quân lão thú tăng kinh chiến,
Thuyết đảo Nam chinh các tự sầu.

(Hào kiệt qua đời hận chữa nguôi
Sông kia như cũ hướng đông xuôi.
Quảng tây cảnh đẹp, nào đâu lắm,
Lĩnh ngoại phồn hoa, ấy đấy thôi.
Lũy cũ, tinh kỳ vin bóng rớt,
Núi trơ kèn trống tiễn thu rồi.
Lính xưa đã nếm mùi chinh chiến,
Nói tới Nam chinh luống ngậm ngùi).

Năm 1326 Huệ Túc Vương đánh Chiêm Thành không thắng phải trở về

Năm 1328 Giết quốc phụ thượng Trần Quốc Chấn là em ruột của vua Trần Anh Tông và anh của Công chúa Huyền Trân

Bấy giờ vua ở ngôi đã 15 năm, tuổi đã cao mà vẫn chưa lập thái tử. Cha Hoàng hậu là Quốc Chấn giữ ý đình đời hoàng hậu có con rồi sẽ lập. Cương Đông Văn Hiến hầu là con của thái sư Nhật Duật muốn đánh đổ hoàng hậu để lập hoàng tử Vượng, mới đem 100 lạng vàng đút lót cho gia thân của Quốc Chấn là Trần Phẩm. “Bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó”. Vua mới cấm tuyệt không cho Quốc Chấn ăn uống bất phải tự tử. Hoàng hậu lấy áo tắm nước cho cha uống, Quốc Chấn uống xong thì chết, bắt bố hơn 100 người liên quan. Vài năm sau, gặp khi vợ cả, vợ lẽ tên Phẫu ghen nhau, đem chuyện Văn Hiến đút vàng tâu lên vua. Phẫu bị hạ ngục xử lăng trì. Nhưng chưa kịp hành hình thì gia nô của Thiệu Võ là con Quốc Chấn đã ăn sống hết cả thịt nó. Văn Hiến được miễn tội chết bị giáng xuống làm dân thường. Còn Khắc Chung khi chết đem về thôn Giáp Sơn bị con cháu của Quốc Chấn băm xác ra.

Ngày 15 tháng 2, năm Kỷ Ty (1329) vua nhường ngôi cho thái tử Vượng, đổi niên hiệu là Khai Hựu tên là Hiến Tông Hoàng đế.

TRẦN HIẾN TÔNG (1329-1341)

Tên húy là Vượng, con thứ của Minh Tông, mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh hoàng thái hậu, mẹ sinh là Minh Từ hoàng thái phi Lê thị. Ở ngôi 13 năm thọ 23 tuổi, băng táng ở lăng Xương An. Vua tư trời tinh anh sáng suốt, vận nước thái bình, nhưng hưởng thọ không dài, chưa thấy làm được gì, tiếc thay !

Vua lên ngôi mới 10 tuổi

Mọi việc triều chính phần lớn do Minh Tông điều hành.

Có 2 lần đánh Ai Lao, lần thứ nhất (1334) Ai Lao nghe tin chạy trốn vua sai Trung Ngạn mài vách núi mà ghi công.

Lần thứ 2 vào tháng 9-1335, Thượng hoàng thân đi đánh Ai Lao bị thua. Đoàn Nhữ Hài chết đuối. Hài đem quân Thân Vũ và quân Nghệ An tiến đánh, ngày giao chiến mây mù che tối, giặc phục sẵn voi ngựa, hai mặt giáp công, quan quân thua to sa xuống nước chết đuối quá nửa. Nhữ Hài cũng ở trong số chết đuối đó.

Năm 1336, Thượng hoàng mới đem quân về kinh sư.

Tháng 9 - 1337, Trung Ngạn kiến nghị lập Tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói, Vua xuống chiếu cho các bộ làm việc đó.

Xét duyệt các quan văn võ, vẫn đặt thuộc viên các sảnh viện người nào có tờ cam kết thì giữ lại, người nào ở nhà không làm việc thì đuổi về.

Trần Nhật Duật chết 1330 thọ 77 tuổi là một thân vương tôn quý, làm quan trải 4 triều, ba lần coi giữ trấn lớn. Trình Túc phu nhân là người Thanh Hoa cho nên các vợ lẽ của Nhật Duật đều là người Thanh Hoa.

Cũng năm này Đỗ Khắc Chung chết, được tặng chức Thiếu sư.

Trần Khánh Dư : chết vào tháng 8/1339. Lần trước, quân Nguyên vào cướp, Trần Khánh Dư nhân cơ hội đánh úp quân giặc được Thánh Tông khen, sau Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thụy. Con trai của Hưng Đạo định lấy Thụy làm vợ, vua sợ phật ý Hưng Đạo nên sai người đánh chết Dư ở Hồ Tây nhưng dặn là đừng đánh chết, đui về Chí Linh làm nghề bán than.

Tháng 10-1282 được phục chức nhưng Dư cũng không bỏ được lối làm cũ. Khi Khánh Dư giữ Vân đồn năm 1286, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề sinh nhai ăn mặc theo lối người phương bắc. Dư ra lệnh "quân trấn giữ Vân đồn là để ngăn phòng giặc Hồ không đội nón của phương bắc, sợ vội vàng khó lòng phân biệt nên đội nón ma lô, ai trái tất phải phạt". Khánh Dư đã sai người mua nón Ma lô từ trước chở thuyền đến đậu ở cảng. Lệnh vừa ra sai người ngăm báo trong dân, thiên hạ hoảng hốt tranh nhau mua lúc đầu nón giá 1 tiền sau tăng lên bằng giá trị 1 tấm vải, do đó mà Khánh Dư giàu sụ.

Trương Hán Siêu là một danh tướng nhưng là người cao ngạo, ông đã từng soạn văn bia ở chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang, là thầy dạy hoàng thái tử học. ông ta khinh bỉ người cùng hàng, không giao du với họ, chỉ chơi thân với bọn hoạn quan như Phạm Nghiêu Tư, gặp quan thầy thuốc thì thế nào cũng đùa cợt nói cười. Khi coi đất Lạng Giang thì gả con gái cho tù trưởng Nùng Ích, khi coi chùa Quỳnh Lâm thì gả con gái cho Tam bảo rô Nguyễn Chế đều vì mê sự giàu có của họ cả. Lại khi Trương Hán Siêu làm hành khiển thì nói hình quan Phạm Ngộ và Lê Duy ăn hối lộ, vua lập tức điều tra thì Hán Siêu nói: "Tôi làm việc ở chính phủ, được chúa thượng tin dùng cho nên nói thế, biết đây là có chuyện tin xét này" là Siêu nói láo.